

## VĂN HOÁ CHỮ HÁN TRONG CÁCH ĐẶT TÊN CON CỦA NGƯỜI NHẬT

TRẦN SƠN\*

**V**iệc tìm hiểu cách sử dụng chữ Hán của người Nhật cho đến nay vẫn chưa có nhiều những công trình nghiên cứu thật cơ bản. Cách đặt tên cho con cái của người Nhật có sử dụng chữ Hán là một trong những cách sử dụng chữ Hán mang tính đặc thù của người Nhật. Đây cũng là thể hiện một tập quán văn hoá - văn hoá chữ Hán trong cách đặt tên cho con cái.

Trước đây, tôi đã có công trình nghiên cứu về “cách đọc chữ Hán của người Nhật”. Công trình này nghiên cứu tổng hợp các cách đọc chữ Hán trong tiếng Nhật nói chung. Riêng lĩnh vực tên đất, tên người rất phức tạp, chúng tôi là những người công tác trong ngành tiếng Nhật lâu năm mà có những trường hợp không đọc được, thậm chí khi hỏi người Nhật có trường hợp họ cũng chịu. Tại sao lại có tình trạng như vậy? Công trình này có thể sẽ giúp cho những ai quan tâm đến cách đọc họ tên người Nhật viết bằng chữ Hán một số gợi ý, từ đó rút ra điều gì bổ ích chăng?

### I. Cách đặt tên cho con của người Nhật

Ngày xưa, người Nhật sử dụng chữ Hán không hạn chế, cho nên những chữ Hán được sử dụng cho tên người cũng gồm những chữ Hán từ đơn giản đến phức tạp. Như vậy, xét về tên người, từ xa xưa cho đến ngày nay, không kể số người có tên giống nhau (có nghĩa là tên cùng

một chữ Hán) thì số lượng tên người đã lên tới con số khổng lồ.

Đến năm 1946, nhà nước Nhật Bản qui định tên người Nhật phải chọn các chữ trong “Bảng chữ Hán hiện dùng” (đương dụng Hán tự biểu) và từ đó có qui định khi đặt tên cho con cái thì sử dụng bảng này. Mặc dù có qui định như vậy, nhưng không có nghĩa là tất cả tên người Nhật chỉ gói gọn trong các Bảng chữ Hán kể trên. Sau đây xin giới thiệu về phương châm đặt tên cho con cái của các gia đình Nhật Bản.

#### 1. Quan niệm tên hay và tên không hay

Vị công thần thời Minh Trị có thể lực trong chính giới tên là Yamagata Aritomo (Sơn Huyện Hữu Bằng) hồi còn trẻ tên là Kyosuke (Cuồng Giới) soái lĩnh đội kị binh đánh thắng quân Mạc phủ. Còn một diễn viên điện ảnh tên là Sugi Kyoji (Sam Cuồng Nhi). Tên của hai người nói trên đều dùng chữ “cuồng” (cuồng giới và cuồng nhi) nghĩa là “điên”. Mặc dù đây chỉ là tên tự đặt, chứ chẳng có gia đình nào lại đặt tên cho con mình với chữ Hán có nghĩa không hay như vậy.

Chữ Hán có nghĩa xấu hoặc không phù hợp để đặt tên không phải chỉ có chữ “cuồng” mà còn nhiều chữ khác như: 死 (tử), 弔 (điếu), 凶 (hung), 亡 (vong), 危 (nguy), 朽 (hủ), 没 (mọt), 困 (khốn), 苦 (khổ), 忌 (kỵ), 災 (tai) và những chữ có nghĩa không phù hợp như: 犯 (phạm), 形 (hình), 争 (tranh), 戰 (chiến), 妨 (phương)

\* Tiến sĩ, Đại học Ngoại thương Hà Nội.

-- hại), 尿 (niệu), 邪 (tà), 刺 (thích), 殺 (sát), 惡 (ác)...

Còn tên hay thì điều kiện đầu tiên phải là chữ Hán được dùng làm tên có nghĩa tốt. Ví dụ những tên thể hiện nguyện vọng của cha mẹ mong muốn con cái trở thành người tốt thì thường đặt là 善太郎 (Thiện Thái Lang), 良吉 (Lương Cát). Có những gia đình mong muốn con cái trở thành những người thông minh lanh lợi thì đặt tên là 賢一 (Hiên Nhất), 賢蔵 (Hiên Tàng)... Nếu là con gái thì có thể sẽ có tên là 良子 (Lương Tử). Nếu cha mẹ mong muốn con cái cường tráng, khoẻ mạnh thì đặt tên là 武 (Vũ), 威 (Uy), 健 (Kiện), 猛 (Mãnh), 毅 (Nghị)... Các tên trên đều có chung cách đọc là Takeshi. Cũng có trường hợp sử dụng các từ Hán sẵn có như 勝利 (Thắng Lợi), 健康 (Kiện Khang), 利得 (Lợi Đắc)...

Trong một phạm vi nhất định cũng có gia đình đặt tên cho con với mong muốn có cái tên giản dị, dễ đọc, dễ nhớ và dễ hiểu. Như vậy phải chọn loại tên có chữ Hán ít nét, thường gặp và dễ hiểu. Ví dụ như 久夫 (Cửu Phu = Hisao), 久子 (Cửu Tử = Hisako), 正 (Chính = Tadashi), 正子 (Chính Tử = Masako)... Có thể nêu thêm một số tên người dùng chữ Hán đơn giản, dễ hiểu như 一、二、三、明、仁、安、永、八、信、光、万、和、平... (nhất, nhị, tam, minh, nhân, an, vĩnh, bát, tín, quang, vạn, hoà, bình...).

Dùng chữ Hán dễ hiểu, dễ đọc là mong muốn chung của nhiều gia đình, song cũng không phải không có gia đình lại nghĩ rằng cần phải đặt tên cho con có chữ Hán thật khó, cách đọc cũng phải đặc biệt như vậy mới oai, mới độc đáo, hoặc phải có cái tên thật kêu, thật óách. Nhưng khi lớn lên thế nào cũng có những

đứa bạn hay trêu chọc làm cho đứa trẻ có cái tên đó cũng khó xử?

Đặt tên cho con với cái tên không quá bình thường, cũng không quá nổi bật, chủ yếu là phải có ý nghĩa, có lẽ là một tiêu chuẩn đặt tên cho con của người Nhật.

## 2. Đặt tên có ý nghĩa

Như trên đã nêu, tên người Nhật có nhiều loại, loại có nghĩa tốt và loại có nhiều nghĩa khác. Ví dụ, loại tên có nghĩa thứ tự những người con được sinh ra trong gia đình thường được đặt kèm theo một chữ có nghĩa là thứ tự hoặc kèm theo một chữ lấy trong tên của bố mẹ, đối với con trai có thể dùng một chữ Hán nào đó do họ hàng qui định, hoặc lấy một chữ trong tên của các vĩ nhân, hiền triết để mong được hạnh phúc. Sau đây là một số cách đặt tên có ý nghĩa.

### a. Tên có nghĩa thứ tự

Khi đặt tên cho con trai theo thứ tự sinh trước và sau trong một gia đình thường là:

一郎 (Nhất Lang = Ichirò)

二郎 (Nhị Lang = Jirò)

三郎 (Tam Lang = Saburò)

四郎 (Tứ Lang = Shirò)

五郎 (Ngũ Lang = Gorò)

rồi có thể tiếp đến “lục lang”, “thất lang”, “bát lang”, “cửu lang”, “thập lang”... Cũng có thể đặt tên là:

太郎 (Thái Lang = Tarò) (con trai cả)

次郎 (Thứ Lang = Jirò) (con trai thứ)

Nếu có người cho rằng đặt tên cho con là nhất lang (ichirò) hay thái lang (tarò), nhị lang (jirò) hay thứ lang (jirò) là quá đơn điệu thì có thể lấy một chữ trong tên của cha mẹ hoặc tổ tiên các vị tiền bối, vĩ nhân ở quê hương hoặc một chữ Hán nào

đó có nghĩa tốt cho thêm vào tên có nghĩa thứ tự kể trên. Ví dụ:

- 多一郎 (Đa Nhất Lang = Taichirò)宗
- 二郎 (Tông Nhị Lang = Sojirò)義三郎
- (Nghĩa Tam Lang = Gisaburò)
- 久四郎 (Cửu Tứ Lang = Kyushirò)
- 英五郎 (Anh Ngũ Lang = Eigorò)

Còn đối với con gái thì có thể đặt tên cho đứa con đầu là 一子 (Nhất Tử = Kazuko). Cũng có trường hợp đối với con trai không đặt tên theo thứ tự là “lang” như trên mà đặt theo thứ tự kiểu khác.

Ví dụ:

- 敬一 (Kính Nhất = Teiichi)
- 悌二 (Đễ Nhị = Teiji)
- 清三 (Thanh Tam = Seijo) hoặc 一雄
- (nhất hùng = Kazuo)

次男 (Thứ Nam = Tsuguo hoặc Tsugio)

Một gia đình có bảy người con, người con thứ bảy khi sinh ra đã rất yếu, nên gia đình có ý đây là lần cuối, từ nay trở đi thôi không sinh nữa nên mới đặt tên con là Osamu (tu = tu tỉnh, thu lại). Nếu là con gái thì sẽ đặt tên con là Sashizume (nghĩa là điểm kết thúc), Sueko (mạt tử = con út).

*b. Lấy một chữ trong tên của cha, ông nội*

Ví dụ tên người cha là 義男 (Nghĩa Phu = Yoshio) thì tên các con trai đều có chữ phu (đọc là o). Như 武夫 (Vũ Phu: Takeo), 道夫 (Đạo Phu: Michio), 慰夫 (Uý Phu: Yasuo).v.v...

Có trường hợp trong dòng họ lấy một chữ thống nhất để đặt tên cho con trai, nhìn vào tên người ta có thể biết được người đó thuộc dòng họ nào. Ví dụ: Tên ông nội là 友吉 (Hữu Cát: Tomokichi) tên cha là 友造 (Hữu Tạo: Tomozò), tên

con trai là 友之助 (Hữu Chi Trợ: Tomonosuke), tên cháu trai là 友雄 (Hữu Hùng: Tomo o).v.v...

東郷平八郎 (Đông Hương Bình Bát Lang: Tògò Heihachirò) là Tư lệnh hạm đội liên quân đã thắng trong trận hải chiến ở biển Nhật Bản. Nhiều người Nhật đã lấy tên của vị tư lệnh này để đặt cho con mong sao con mình cũng được như vậy, hoặc chỉ lấy một chữ “Bình” trong “Bình bát lang” để ghép với chữ khác nhau: 平助 (Bình Trợ: Heisuke) 平蔵 (Bình Tạo: Heizò) 平吉 (Bình Cát: Heikichi).v.v... Hiện nay có khuynh hướng nhiều ông bố bà mẹ muốn cho con cái theo gương nhà nghệ thuật, các học giả, các nhà doanh nghiệp lớn, nên đã đặt tên cho con gần giống với tên các nhà danh tiếng kể trên.

*c. Đặt tên theo địa danh, niên hiệu, tứ quý*

Có một người tên là 総子 (Tổng Tử = Fusako) sinh ra ở tỉnh Chiba, tức là nơi mà ngày xưa là một nước nhỏ có tên là 下総 (Hạ Tổng: Shimofusa) (hoặc Shimosufusa) cho nên đã đặt tên có chữ “Tổng” (Fusa) như trên. Còn một người sinh ra ở tỉnh Aomori, tỉnh này hồi xưa cũng là một nước có tên là 陸奥国 (Lục Áo Quốc: Mutsunokuni), cho nên người này có tên là 陸奥男 (Lục Áo Nam: Mutsuo). Người sinh ra ở Kyùshù (Cửu Châu) thì được đặt tên là Kusuo (Cửu Châu Nam), người sinh ra ở tỉnh Saga (Tá Hạ) thì được đặt tên là Sagao (Tá Hạ Nam).v.v... nhiều người được sinh ra vào thời kỳ niên hiệu Thiên hoàng Đại Chính chuyển sang niên hiệu Chiêu Hoà thì được đặt tên là Akiko (Chiêu Tử), Kazuko (Hoà Tử) - đây là những tên đặt cho con gái. Còn đối với con trai thì

thường là 招四郎 (Chiêu Tứ Lang), 和一郎 (Hoà Nhất Lang).v.v... Cũng có nhiều người được đặt tên vào dịp niên hiệu Minh Trị chuyển sang niên hiệu Đại Chính, như: 正代 (Chính Đại: Masayo), 政子 (Chính Tử: Masako), 政枝 (Chính Chi: Masae), 正一 (Chính Nhất: Shōichi), 正吉 (Chính Cát: Shōkichi),...

Còn một cách đặt tên nữa không theo niên hiệu, mà theo đại lễ đăng quang của Thiên hoàng (Thiên hoàng tức vị đại điển) nên có nhiều người mang tên Noriko (Điển Tử) Norio (Điển Phu).v.v... và phần lớn những người được đặt tên theo kiểu này chủ yếu vào hai thời đại: Thiên hoàng Đại Chính và Thiên hoàng Chiêu Hoà.

Cũng có nơi đặt tên con là Haruko (Xuân Tử), Haruo (Xuân Hùng), Harukiko (Xuân Ngạn), Natsuko (Hạ Tử), Natsuo (Hạ Phu), Akiko (Thu tử), Akie (Thu Giang), Akio (Thu Nam), Akitake (Thu Vū), Fuyuko (Đông Tử), Fuyhiko (Đông Ngạn) đều là những người sinh ra vào các mùa (tứ quý).

*d. Đặt tên có liên quan đến từ cổ điển*

省吾 (Tỉnh ngô = Seigo) là tên lấy từ “ngô nhật tam tỉnh ngô thân” (吾日三省吾身) trong Luận ngữ, Học nhi đệ nhất.

Những chữ Tín, Đễ, Hiếu, Hiền, Đức (信、悌、孝、賢、德) cũng là những điển cứ trong Luận ngữ. Từ xưa có nhiều tên người lấy điển cứ từ trong Tứ thư (Luận ngữ, Đại học, Trung dung, Mạnh Tử), Ngũ Kinh (Kinh dịch, Kinh thi, Kinh thư, Xuân thu, Lễ ký). Tên của Hoàng Tôn Điện hạ sinh vào ngày 23 tháng 2 năm Chiêu Hoà 35 cũng là tên lấy từ Trung dung. Tất nhiên không phải tên người Nhật lấy từ điển cứ đều là của Trung Quốc mà cũng có nhiều tên được lấy từ các tác phẩm cổ điển của Nhật Bản

như “ký” (記) trong “Cổ sự ký”, “kỷ” (紀) trong “Nhật Bản thư kỷ”, “Vạn diệp tập”.v.v...

Việc đặt tên theo điển cứ như trên có thể các gia đình có ý mong muốn con cái có cơ sở để tin vào tên của mình. Nhưng vì ý nghĩa của những điển cứ đó quá khó đối với người mang tên, nên có trường hợp đã dẫn đến những tấn bi hài kịch khó xử.

*e. Đặt tên theo ngữ âm, từ loại*

Có gia đình đặt tên con là 茂 (Mậu: Shigeru), 緑 (Lục: Midori), 明 (Minh: Akira), 昇 (Thăng: Noburu), 百合 (Bách hợp: Yuri), 照 (Chiếu: Teru). Tất cả các tên con trai, con gái, âm cuối đều kết thúc bằng R (ru, ra, ri...). Nhưng cũng có gia đình đặt tên cho con theo từ loại là tính từ như : 尚 (Thượng: Takashi), 清 (Thanh: Kyoshi), 安 (An: yasushi), 敏 (Mẫn: Satoshi), 恒 (Hằng: Hisashi).v.v...

Một trong những khuynh hướng gần đây là tên con gái bây giờ không dùng chữ 子 (tử = ko) ở cuối. Chữ “ko” vẫn dĩ để thể hiện ý nghĩa tôn trọng, cho nên khi ghi vào sổ hộ tịch thì ghi là 清子 (Thanh Tử = Kyoko), nhưng khi tự người có tên đó ghi tên mình thì chỉ dùng chữ Thanh (Kyo) thôi. Nhưng thực tế, nhiều người hiểu chữ 子 (ko) là để chỉ nữ giới. Nếu có chữ 子 thì 清子 đọc là Kyoko, nếu chỉ có chữ 清 không thôi thì có thể đọc là Kyo hoặc Kyoshi. Nếu đọc là Kyoshi thì người nghe sẽ cảm thấy là tên con trai, chứ không phải là con gái.

Có một người con gái tên là Satoshi (怜), sau khi tốt nghiệp đã đi dự thi để được tuyển dụng vào công ty. Lần đầu gọi vào phòng thi viết thì không có vấn đề gì (vì giám khảo chưa để ý), lần tiếp theo được gọi vào phỏng vấn thì người gọi tên cứ nghĩ Satoshi là một nam thanh

niên, nhưng hoá ra lại là một cô gái. Bởi vì cái tên Satoshi là tên con trai nhiều hơn con gái.

Hiện nay, những người có tên không phân biệt là nam hay nữ vẫn còn. Ví dụ

薰 (Huân: Kaoru = cỏ thơm) 松帆 (Tùng Phàm: Matsuhō), 紫 (Tử: Yuakari = màu tím).v.v... là những tên dùng cho nữ giới. Nam ca sĩ nổi tiếng có tên là Fujihara Yoshie (藤原義江) rất giống tên nữ giới. Họạ sĩ tỉnh Saitama là Iguchi Naoe (井口奈保江) cũng là một nam giới. Nhưng khi nghe những tên như Yoshie, Naoe... người ta dễ nhầm là nữ giới.

## II. Cách đặt tên của ông Fukuzawa Yukichi

Cách đây 100 năm, ông Fukuzawa Yukichi (福沢諭吉) là người sáng lập ra Khánh ứng nghĩa thực (Tiền thân của Trường Đại học Keio ngày nay) đã nói về vấn đề cần chú ý khi đặt tên cho con cái trong phần “Tánh danh chi sự” (Chuyện họ tên) trong tập 1 “Fukuzawa văn tuyển” như sau:

Trong những tên gọi của mọi người có tên hay và tên không hay. Tên hay là tên khi người ta nghe và cảm thấy hay và ngược lại là tên không hay.

Ví dụ: 長松 (Trường Tùng: Nagamatsu) nghe có vẻ nhỏ nhẽ, còn 牛若丸 (Ngưu Nhược Hoàn: Ushiwakamaru) như tên gọi ông trẻ vậy, đều hay cả. Chắc là chẳng có ai đặt cho con mình cái tên xấu, nhưng nếu đặt tên hay quá mức khi lớn lên, người con đó có thể gặp rắc rối. Ví dụ: con một vị học giả có tên là 英明非凡太郎 (Anh Minh Phi Phàm Thái Lang), nếu người con đó hư hỏng, tệ bạc thì chắc chắn bố mẹ sẽ khóc dở mếu dở vì cái tên đã đặt cho con. Một chuyện khác, có hai người con gái xinh đẹp, một

cô tên là Mai Chi (梅枝), cô kia tên là Ngọc Tảo (玉藻). Lớn lên cô Mai Chi trở thành người bán đồng nát thì kể ra cũng buồn cười.

Còn có ba người cháu được ông bà bắt chức người xưa đặt tên cho là 松王、梅王、桜丸 (Tùng Vương, Mai Vương và Anh Hoàn). Khi lớn lên Mai Vương và Anh Hoàn làm nghề đưa sữa bò tươi thì cũng chẳng hợp với cái tên hay như vậy.

Tên chẳng qua là cái dấu hiệu của con người, nên nó phải là cái tên người ta mong muốn không bị người khác nói này nói nọ. Khi đặt tên phải tính tới cả tương lai của đứa trẻ để khi lớn lên không gặp rắc rối gì.

## III. Đoán tên theo cách xem hậu vận

Ngày xưa, người ta hay xem tên người rồi đoán hậu vận. Hồi ấy có một người tên là Takahashi Korekyo (高橋是清, Cao Kiều Thị Thanh), từ một người bình thường, hồi trẻ đã sang Mỹ khổ học, rồi cuối cùng trở thành Thủ tướng. Đúng là một nhân vật xuất thế tuyệt vời. Những người làm nghề đoán tên đều nói rằng những người làm nên sự nghiệp đều là người có tên hay. Như vậy, Takahashi Korekyo là tên hay điển hình. Thế nhưng, ngày 26 tháng 2 năm 1937 đã diễn ra cái gọi là “Sự kiện 26 - 2”, khi một vị tướng tá trẻ làm đảo chính, vị chủ nhân của cái tên hay điển hình nọ là Takahashi Korekyo đã bị quân phiến loạn giết hại. Người có cái tên may mắn nhất Nhật Bản đã kết thúc cuộc đời không may mắn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

四沢秀雄 「「赤ちゃんの名前」東京日東書院, 1981。